


HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG MÁY TÍNH ĐỂ BÀN

- **MODEL:** AX-12V AX-120V D-20L D-40L D-60L
DJ-120T DX-12V DX-120V DM-1200T DM-1400TV
DM-1600TV MX-12V MX-120V GX-12V GX-14V GX-16V
GX-120V.

CÁC CHỨC NĂNG CHUNG:

- “**Cut, ADD2**”: Tự động thêm dấu thập phân vào giá trị nhập, tính từ phải sang 2 chữ số.

Ví dụ: “CUT, ADD2” : bấm 123456 sau đó bấm phím dấu $\frac{\square}{\square}$ màn hình sẽ hiện thị 1234.56.

- Chức năng  (*Profit margin or Make up*): tính nhanh giá cả, lợi nhuận, tỷ lệ phần trăm giá tăng/giảm, tỷ lệ mức chiết khấu, giá trị tăng/giảm.

Ví dụ 1: Giá vốn một mặt hàng là 57 \$, lợi nhuận 5% giá vốn. Tính giá bán?


(Giá bán đã được giảm 5% “=59.85”)

Đối với các model còn lại

 (lợi nhuận “=2.85”)
 (= 59.85)

Ví dụ 2: Áo sơ mi nữ giá 15\$, trong dịp tết giảm giá bán xuống 5%, hỏi giá bán trong dịp tết là bao nhiêu?

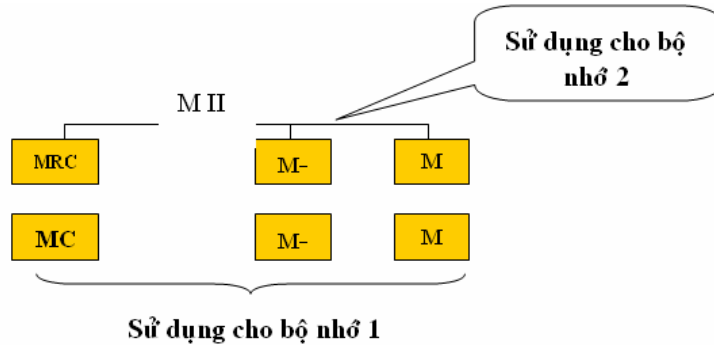

(giá bán đã được giảm 5% “=14.25”)

hoặc

 (= 0.75)
 (giá bán đã được giảm 5% “=14.25”)









I. MÁY TÍNH DÀNH CHO CÔNG VIỆC TÍNH TOÁN THÔNG THƯỜNG:

1. Dấu hiệu nhận biết máy tính có hai bộ nhớ độc lập:



2. Cách sử dụng 2 bộ nhớ độc lập:

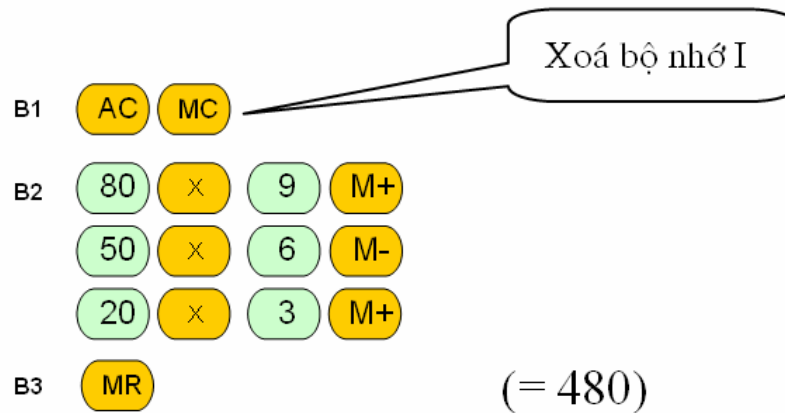
Chức năng của các phím:

- ◆  : Chỉnh sửa giá trị nhập bị sai (xóa từ phải sang trái).
- ◆  : Xóa toàn bộ giá trị vừa nhập.
- ◆ Xóa bộ nhớ
 -  : Xóa bộ nhớ 1
 -  : Xóa bộ nhớ 2 (bấm 2 lần).
- ◆ **Gọi nhớ** (gọi lại số liệu đã được bấm nhớ)
 -  : Gọi nhớ dữ liệu trong bộ nhớ 1.
 -  : Gọi nhớ dữ liệu trong bộ nhớ 2.
- ◆  : Nhớ cộng (một giá trị được nhớ cộng, khi gọi nhớ giá trị đó, nó sẽ được cộng dồn vào kết quả của phép tính đang thực hiện).
- ◆  : Nhớ trừ (một giá trị được nhớ trừ thì khi gọi nhớ phép tính đang thực hiện sẽ thực hiện phép tính trừ đối với giá trị được nhớ trừ).

Các ví dụ dùng các phím nhớ để tính.

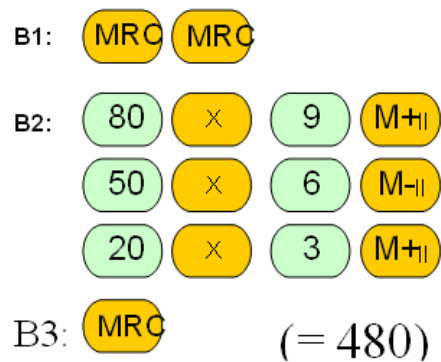
Ví dụ 1: Thực hiện phép tính sau, sử dụng bộ nhớ 1

$$\begin{aligned} 80 \times 9 &= A \\ - 50 \times 6 &= B \\ + 20 \times 3 &= C \\ A - B + C &= ? \end{aligned}$$



Ví dụ 2: Thực hiện phép tính sau, sử dụng bộ nhớ 2

$$\begin{aligned} 80 \times 9 &= A \\ - 50 \times 6 &= B \\ + 20 \times 3 &= C \\ A - B + C &= ? \end{aligned}$$



Ví dụ 3: (Thực hiện phép tính sau sử dụng cả 2 bộ nhớ)

Một cửa hàng bán vải, một ngày bán được 50 m vải trắng giá 47.000 đ/m, 24 m vải hoa giá 30.000đ/m và 2,5 m vải hồng giá 150.000đ/m. Vậy ngày đó cửa hàng bán được tổng cộng bao nhiêu m vải, số tiền bán được trong ngày đó?

Nghĩa là thực hiện phép toán:

<i>Lưu trong Bộ nhớ</i>	(I)	(II)
	50 x 47.000 = 2.350.000	
	24 x 30.000 = 720.000	
	<u>2,5 x 150.000 = 375.000</u>	
	(Σ I= 76.5)	(Σ II= 3.445.000)

B1: MC MRC MRC (Xoá toàn bộ dữ liệu trong bộ nhớ 1 và 2)

B2: 5 0 M+ x 4 7 00 M+||

2 4 M+ x 3 0 00 M+||

2 . 5 M+ x 1 5 00 00 M+||

B3: MR (Gọi kết quả của bộ nhớ 1''=76.5'' : Tổng số vải bán trong ngày)

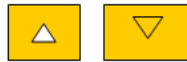
B4: MRC (Gọi kết quả của bộ nhớ 2''=3.445.000'' : Tổng số tiền bán được)

a. Có thêm chức năng kiểm tra các phép tính vừa thực hiện: (kiểm tra lại cấu trúc của phép tính vừa nhập và có thể chỉnh sửa phép tính mà không phải thực hiện lại từ đầu).

↳ NJ-C10 PLUS

↳ MJ-C10 PLUS

Dấu hiệu nhận biết : Các phím



Ví dụ:

1 0 X
3 M+

5 0 M+

4 5 X
2 M+

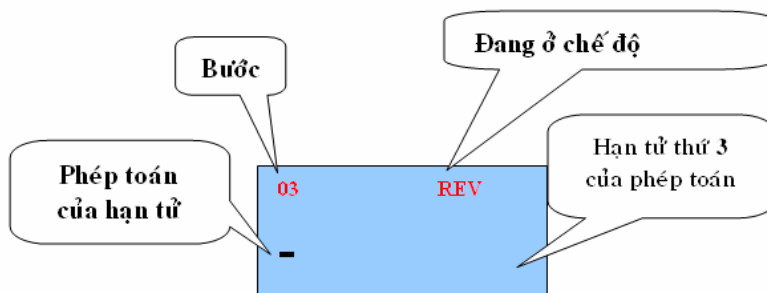
MR hoặc MRC (= 170)

AC

△ hoặc ▽ (Máy sẽ hiện lên tất cả các bước thực hiện trừ số 50)

Cách thao tác trên máy:

☆ **Kiểm tra lại các thao tác vừa thực hiện** và có thể sửa đổi giá trị và cấu trúc phép toán: bằng 2 phím △ và ▽ hoặc AUTO REVIEW để thực hiện việc xem lại tự động toàn bộ phép tính vừa thực hiện, khi sử dụng các phím trên màn hình máy tính sẽ hiển thị:



- Sử dụng cho tất cả các phép tính +, -, x, /, % và bộ nhớ điều hành.
- Có thể sửa đổi giá trị, phép tính và câu lệnh sau đó thực hiện lại phép tính.
- Trước khi thực hiện Review lại phép tính trong bộ nhớ máy tính, ta phải hoàn thành (ra kết quả cuối cùng) phép tính đang thực hiện bằng các phím

= % M+ M- TAX+ TAX-

- Bấm C để thoát khỏi chế độ Review
- △ xem từ bước cuối đến bước đầu, ▽ ngược lại.

Thao tác trên máy:

Ví dụ 1:Thực hiện phép tính $(20 + 10 - 5) \times 2 : 5 = ?$ và kiểm tra lại cấu trúc phép tính vừa thực hiện có chính xác không?

The calculator interface shows the following sequence of operations:
1. Input 5, 4, 0, 0, 0, then press X.
2. Input 2, then press M+.
3. Input 3, 2, 0, 0, 0, then press M+.
4. Input 1, 1, 5, 0, 0, 0, then press X.
5. Input 3, then press M+.
6. Press MR or MRC, resulting in (= 485.000).
7. Press AC.
8. Press the left arrow key (Δ) or the right arrow key (▽) to review the steps.

Ví dụ 2: Khách hàng mua 2 chai gel dưỡng tóc giá 54.000đ/chai, 1 chai dầu gội giá 32.000đ, 3 áo kiểu có giá 115.000đ/cái, hỏi khách hàng phải trả bao nhiêu tiền?





The calculator interface shows the following sequence of operations:
1. Input 20, +, 10, -, 5, x, 2, :, 5, =, resulting in (= 10).
2. Press AC.
3. Press the left arrow key (Δ) or the right arrow key (▽) to review the calculation.

☆ **Chỉnh sửa phép tính:** dùng , để chọn vị trí cần chỉnh sửa và để chỉnh sửa.











Ví dụ 3: Tính $(20 + 10 - 5) \times 2 : 5 = ?$, sau đó sửa lại thành $(20 - 5 - 5) \times 3 : 5 = ?$


The calculator interface shows the following sequence of operations:
1. Input 20, +, 10, -, 5, x, 2, :, 5, =, resulting in (= 10).
2. Press the right arrow key (▽) to move the cursor to the "+10" position.
3. Press CORRECT, -, 5, the right arrow key (▽), the right arrow key (▽), CORRECT, 3.
4. Press CORRECT (Chuyển về chế độ review).
5. Press the right arrow key (▽) to see the result of the correction, which is (= 6).


☆ **Xóa bớt 1 bước hoặc thêm 1 bước trong phép tính** (chỉ có ở model DJ-240, DJ-220):


-  ,  để chọn vị trí cần thêm hoặc xóa bớt và xem kết quả của phép tính.
-  : xóa số hạng và dấu (+, -) của số hạng đó.
-  : Thêm 1 hoặc nhiều số hạng vào phép tính.

Ví dụ 4: Tính $(20-5-5) \times 3 : 5 = ?$, sau đó sửa lại thành. $(20-5) \times 3 : 5 = ?$











B1:           (= 6)


B2:  (Di chuyển đến vị trí muốn xóa "-5")






B3:  (Di chuyển để xem kết quả của phép toán vừa sửa "=9")


B4: 

Ví dụ 5: Tính $(20-5-5) \times 3 : 5 = ?$, sau đó sửa lại thành $[(20-5-5) \times 3 : 5 = 6] + 10 = ?$











B1:           (= 6)


B2:  (Di chuyển đến vị trí muốn chèn thêm)


B3:     


B4:  (Di chuyển để xem kết quả của phép toán vừa sửa "=16")






Ví dụ 6: Tính $(20-5-5) \times 3 : 5 = ?$, sau đó sửa lại thành $[(20-5) \times 3 : 5 = 9] + 10 = ?$


B1:           (= 6)

B2:  (chọn -5 để xóa)

B3: 

B4:  (Di chuyển để xem kết quả của phép toán vừa sửa "=9")

B5:     

B6:  (Di chuyển để xem kết quả của phép toán mới "=19")

So sánh kết quả của 2 phép tính (chỉ có ở DJ-24, DJ-220): dùng phím



Ví dụ 1: Tính và so sánh kết quả của 2 phép tính:

1. $5 \times 7 - 12 = ?$
2. $6 \times 16 - 22 = ?$

B1: 5 X 17 - 12 = (= 73)

B2: ANS/CHECK

B3: 6 X 16 - 22 = (= 74)

B4: ANS/CHECK

Chú ý:

- CHECK là kết quả của phép tính 1.
- ANS là kết quả của phép toán 2.

☆ **Gọi lại kết quả của phép tính cuối cùng (DJ-240 DJ-220):** nghĩa là thực hiện một phép tính và có sử dụng kết quả của phép toán trước.




Ví dụ: Tính $10 + 20 - 5 = A$

$$100 - A = ?$$

B1: 10 + 20 - 5 = (=25)

B2: 100 - ANS/CHECK = (=75)

◆ CÁC PHÍM CHỨC NĂNG KHÁC:



-  : Xóa từng số hạng của chữ số vừa nhập, bắt đầu từ số hàng đơn vị (*khi nhập sai, cần chỉnh sửa lại*).
-  : Xóa toàn bộ giá trị vừa nhập.
-  : Cộng dồn kết quả.

Ví dụ:

B1: 1 + 3 = (= 4)

B2: 4 X 2 = (= 8)

B3: GT (= 12)

-  : đếm số hạng được nhập từ bàn phím của tất cả các phép tính mà ta đã thực hiện từ lúc bắt đầu cho đến thời điểm bấm  .